

Bản án số: 44/2019/HSST.

Ngày: 25-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Trương Thị Thủy
2. Bà Lê Hồng Nhung

- *Thư ký phiên toà:* bà Trần Thị Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:* ông Lò Văn Thức – kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HS ngày 12-4-2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Đỗ Văn Tuấn A; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu A, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Văn Minh, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1965; vợ là Bùi Như Q, sinh năm: 1993; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Bị cáo Tòng Anh M; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 5, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Tòng Văn Th, đã chết và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1969; vợ Quảng Thị Thanh Q, sinh năm 1989 và có 01 con 07 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày

04/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Bị cáo Bùi Cao C; tên gọi khác: Bùi Văn C; giới tính: Nam; sinh năm 1972 tại: Khoái Châu, Hưng Yên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 3, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Cao Th, (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); vợ là Phạm Thị Ng, sinh năm: 1978 (đã ly thân) và có 02 con, lớn nhất 23 tuổi, nhỏ nhất 16 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Bị cáo Đỗ Cao B; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1984, tại Mai Sơn, Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu B, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Văn Th, (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; vợ là Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1985 và có 02 con, lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi; tiền sự: Không có; tiền án: không có; bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Bị cáo Trịnh Văn N; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại huyện Thuận Châu, Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu B, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Thế Ng, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1969; vợ là Đỗ Thị V, Sinh năm: 1998 và có 02 con, lớn nhất 03 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Bị cáo Đỗ Văn Đ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1966 tại Mỹ Đức, Hà Nội; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu A, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đỗ Văn K, (đã chết) và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1932; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973 và có 02 con, lớn nhất 23 tuổi, nhỏ nhất 15 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Bị cáo Đỗ Tiến H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1991 tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 3, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Tuấn H, sinh năm: 1967 và con bà: Lê Thị Th, sinh năm 1972; có vợ Quàng

Thị M, sinh năm: 1991 và có 01 con 06 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Bị cáo Lưu Đình L; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1964 tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu A, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Lưu Đình L, (đã chết) và bà Lê Thị H, (đã chết); vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, (đã ly hôn) và có 01 con 30 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; ngày 09/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/01/2019, Lưu Đình L, Đỗ Cao B, Lê Hồng Th, Phạm Đức V, Bùi Thị Ph, Đỗ Tiến H cùng đến quán nước nhà ông Nguyễn Hữu L ở tiểu khu A, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu để uống nước nói chuyện. Đến khoảng 15 giờ, có Trịnh Văn N đến quán ngồi chơi cùng mọi người, được một lúc thì L, B, T, V, P và H đi vào nhà Đỗ Văn Đ ở cạnh quán. Lúc này N vẫn ngồi lại quán, một lúc sau Đỗ Văn Tuấn A đi bộ xuống quán hỏi vay N số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) để đánh bạc, Ninh biết Tuấn A vay tiền để đánh bạc nhưng vẫn đồng ý và cho Tuấn A vay tiền. Sau khi vay được tiền, Tuấn A bảo N lấy cho Tuấn A 02 (Hai) bộ tú lơ khơ mang vào nhà Đ, N biết Tuấn A bảo lấy bài để đánh bạc nên bao ông Lập chủ quán bán cho N 02 (Hai) bộ bài tú lơ khơ. Vào nhà Đ, N để 02 (Hai) bộ tú lơ khơ lên bàn uống nước rồi ngồi uống nước và nói chuyện cùng mọi người. Lúc này, B bảo Đ cho mọi người đánh bạc cá cược thắng thua bằng tiền tại nhà Đ thì Đ đồng ý, sau đó Đ đi khóa cửa nhà lại để mọi người đánh bạc. Tuấn A rủ L, H tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi “Sâm” cá cược thắng thua bằng tiền với tỷ lệ cá cược là 20.000đồng trên một quân bài. Cách chơi là mỗi người chơi được chia 10 quân bài, nếu người chơi nào báo S thì người đó thắng bạc và nhận được của những người thua bạc mỗi người 500.000đồng, trong đó các loại sâm theo thứ tự từ cao xuống thấp là S rồng > tứ quý 2 > cùng màu > 5 đôi. Trong đó sâm rồng là 10 quân bài có thứ tự liên tiếp; tứ quý 2 là bộ gồm bốn quân bài 2; cùng màu là cả 10 quân bài cùng màu; 5 đôi là bộ gồm 5 cặp, mỗi cặp gồm 02 quân bài cùng số. Nếu không có ai báo sâm thì người nào hạ được hết 10 quân bài trước thì người đó thắng bạc và nhận được tiền của những người thua bạc theo tỷ lệ đếm lá tính tiền, còn người nào cháy (Cháy là không hạ được quân bài nào thì phải trả cho người thắng bạc 300.000đồng. Ngoài ra ai báo sâm mà bị chặn thì người bị chặn sâm phải trả cho người chặn được sâm 1.500.000đồng. L và H đồng ý, sau đó Tuấn A cùng L và H ngồi xuống nền nhà

phòng khách tầng một, Tuấn A lấy một bộ bài tú lơ khơ trên bàn N vừa mang đến bóc ra chia bài đánh bạc, còn Đ, B, N, Ph và V ngồi xem đánh bạc, Th thì nằm ngủ ở ghế do say rượu. Khi ba người đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Bùi Cao C và Tòng Anh M đến nhà Đ, Đ ra mở cửa cho C và M vào nhà rồi Đ khóa cửa lại. Sau khi Ch và M đến, M rủ B, Ch, L, H, Tuấn A đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi ba cây cá cược thắng thua bằng tiền với tỷ lệ cá cược thấp nhất là 50.000đồng/người/ván, không giới hạn mức cá cược cao nhất. Hình thức chơi như sau: Sử dụng 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, sau đó tách lọc ra 36 quân bài từ “A” đến “9” để đánh bạc, sau đó mỗi người bóc 01 (Một) quân bài để chọn “Chương”, khi chọn được người cầm chương, thì người làm chương lấy 36 quân bài, chia đều cho mỗi người chơi cả người làm chương 03 quân bài theo chiều kim đồng hồ. Trước khi chưa lên bài thì mỗi người chơi phải bỏ xuống chiếu cá cược chung là 50.000đồng còn ai cá cược riêng với nhau thì tùy ý, sau khi cá cược xong thì người chơi xem 03 quân bài để tính điểm và so bài với Chương, nếu thua chương thì số tiền cá cược đặt trên chiếu 50.000đồng sẽ phải đưa cho chương, còn điểm quân bài của chương thua điểm của ai thì phải trả cho người thắng đó là 50.000đồng. cách tính điểm quân bài như sau: Tính tổng điểm 03 quân bài (theo thang điểm 10) ai có tổng điểm 03 quân bài cao nhất và hơn điểm của Chương thì thắng, nếu ai có tổng điểm 10 cao nhất thì người đó được làm chương, nếu người có tổng điểm bằng nhau thì so theo chất “Rô, cơ, nhép, bích”. B, Ch, L, H, Tuấn A đồng ý, sau đó M lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài trước đó Tuấn A, L, H dùng để chơi sâm và lọc ra 36 quân bài từ “A” đến “9” rồi đưa cho L cầm bài làm chương, chia bài và nhận đặt cược đánh bạc, còn N, Đ, Ph, V ngồi xem đánh bạc, Th vẫn ngủ trên ghế nhà Đ. Khi sáu người đánh bạc được một lúc thì Tuấn A bảo mỗi người đánh bạc bỏ ra 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng) là tiền “phế” để đưa cho Đ (chủ nhà), mọi người đồng ý, sau đó mỗi người đánh bạc đưa cho Tuấn A 100.000đồng, rồi Tuấn A cầm tiền đưa cho Đ 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Sáu người đánh bạc được khoảng 10 phút thì L nghỉ đánh bạc và rời khỏi nhà Đ. Năm người còn lại tiếp tục đánh bạc đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày thì bị tổ công tác công an huyện Thuận Châu phát hiện bắt quả tang.

Tang vật tạm giữ gồm:

1. Tiền NHNN Việt Nam: 21.860.000đồng (Hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Bùi Cao C, Đỗ Tiến H, Đỗ Cao B (Theo Tuấn A, M, Ch, H, B khai nhận là tiền sử dụng đánh bạc;
2. 52 (Năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ cũ, đã qua sử dụng;
3. Tiền NHNN Việt Nam: 7.060.000đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của Bùi Thị Ph có mặt tại nhà Đỗ Văn Đ khi Cơ quan công an bắt quả tang;

4. Tiền NHNN Việt Nam: 360.000đồng (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của Lê Hồng Th có mặt tại nhà Đỗ Văn Đ khi Cơ quan công an bắt quả tang;

5. Tiền NHNN Việt Nam: 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng) tạm giữ của Phạm Đức Việt có mặt tại nhà Đỗ Văn Đ khi Cơ quan công an bắt quả tang;

6. Tiền NHNN Việt Nam: 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm giữ của Đỗ Văn Đ là số tiền nhận từ các đối tượng đánh bạc tại nhà Đ;

(Gồm: 06 (sáu) khoản) (BL 01-14 hồ sơ).

Ngày 21/01/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra Quyết định trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định tiền. Tại kết luận số 129 ngày 24/01/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền có mã hiệu như trong biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định do Công an huyện Thuận Châu lập ngày 21/01/2019 là tiền thật. (BL 187-191 hồ sơ).

Quá trình điều tra làm rõ được tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc, gá bạc trái phép là 22.460.000đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của các bị can Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Bùi Cao C, Đỗ Tiến H, Đỗ Cao B và tiền do Đỗ Văn Đ giao nộp. Số tiền của từng bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc, gá bạc, cụ thể: Đỗ Văn Tuấn A sử dụng 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc; Đỗ Tiến H sử dụng 11.540.000đ (Mười một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) để đánh bạc; Đỗ Cao B sử dụng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc; Bùi Cao C sử dụng 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc; Tòng Anh M sử dụng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để đánh bạc; Lưu Đình L sử dụng 820.000đ (Tám trăm hai mươi nghìn đồng) để đánh bạc; Đỗ Văn Đ thu hồ các đối tượng đánh bạc là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 25-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Văn Đ, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Đỗ Cao B, Trịnh Văn N, Lưu Đình L về tội *Đánh bạc*, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ về tội *Gá bạc* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Văn Đ, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Đỗ Cao B, Trịnh Văn N, Lưu Đình L về tội *Đánh bạc*, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS; truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ về tội *Gá bạc* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Đỗ Cao B, Trịnh Văn N, Lưu Đình L phạm tội *Đánh bạc*.

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội *Gá bạc*.

Căn cứ điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2019).

Căn cứ điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Cao C từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2019).

Căn cứ điểm i,s,t khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 06 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2019).

Căn cứ điểm s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,3 Điều 35; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Cao B từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Căn cứ điểm i,s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 35 BLHS 2015.

Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Văn Tuấn A từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Căn cứ điểm i,s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 35; Điều 58 BLHS 2015.

Xử phạt tiền bị cáo Tòng Anh M từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Tiến H từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Lưu Đình L từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Các bị cáo Đỗ Cao B, Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Văn Mạnh, Đỗ Tiến H, Lưu Đình L phải nộp tiền phạt 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực

Giao các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Cao C, Trịnh Văn N cho UBND xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 322 BLHS cho các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài.
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 22.460.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đỗ Cao B; Đỗ Văn Tuấn A; Tòng Anh M, Đỗ Văn Đ, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Báo cho các bị cáo Đỗ Cao B; Đỗ Văn Tuấn A; Tòng Anh M, Đỗ Văn Đ, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản hỏi cung bị can; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.....

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo Đỗ Cao B, Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Đánh bạc; bị cáo Đỗ Văn Đ nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Gá bạc. Nay các bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, rất ân hận,

ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Cao C, Trịnh Văn N xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo; Các bị cáo Đỗ Cao B, Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Tiến H, Lưu Đình L xin áp dụng hình phạt chính là phạt tiền để có cơ hội về với cộng đồng, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến Hành tố tụng, người Tiến Hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến Hành tố tụng, người Tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A; Tòng Anh M, Đỗ Cao B, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L là vi phạm pháp luật, bởi: các bị cáo có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây sát phạt thắng thua bằng tiền với tỷ lệ cá cược thấp nhất là 50.000đồng/ người/ván, không giới hạn mức cá cược cao nhất. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 21.860.000đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), cụ thể như sau:

- Đỗ Văn Tuấn A sử dụng 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc;
- Đỗ Tiến H sử dụng 11.540.000đ (mười một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) để đánh bạc;
- Đỗ Cao B sử dụng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc;
- Bùi Cao C sử dụng 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc;
- Tòng Anh M sử dụng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) để đánh bạc;
- Lưu Đình L sử dụng 820.000đ (tám trăm hai mươi nghìn đồng) để đánh bạc;
- Trịnh Văn N tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là người cho Đỗ Văn Tuấn A vay số tiền 3.000.000đồng để đánh bạc (biết rõ mục đích vay tiền của Tuấn A để đánh bạc), đồng thời là người chuẩn bị 02 bộ tứ lơ khơ 52 quân bài để

các bị cáo đánh bạc nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc với vai trò đồng phạm.

Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

“3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét hành vi của bị cáo Đỗ Văn Đ là vi phạm pháp luật bởi: Bị cáo đã dùng địa điểm (nhà ở.....) đang do mình quản lý sử dụng để cho người khác đánh bạc thu tiền hồ, tiền phé là là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Số tiền các bị cáo đánh bạc 01 lần là 21.860.000đồng (hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *Gá bạc*, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 300.000.000đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....
c. Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần giá trị 20.000.000đồng trở lên.

.....
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi nó đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội. Cần vận dụng khoản 1 điều 321 BLHS để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A; Tòng Anh M, Đỗ Cao B, Đỗ Tiến

H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L. Cần vận dụng điểm c khoản 1 điều 322 BLHS để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn Đ

[4] Xét vị trí vai trò của các đồng phạm thấy: Bị cáo Đỗ Văn Tuấn A là người khởi xướng việc đánh bạc. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn bởi các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, có vị trí, vai trò ngang nhau nên cần áp dụng Điều 58 BLHS đối với các bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

[5] Xét nhân thân, các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A, Tông Anh M, Đỗ Tiến H, Trịnh Văn N, Lưu Đình L, Bùi Cao C, Đỗ Văn Đ là người chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội đặc biệt là nếp sống văn minh, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm hoặc phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A, Tông Anh M, Đỗ Tiến H, Trịnh Văn N, Bùi Cao C là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm (phát hiện bị cáo Lưu Đình L) trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s,t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lưu Đình L là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Đỗ Văn Đ, Đỗ Cao B, Bùi Cao C là người chưa có tiền sự, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm (phát hiện bị cáo Lưu Đình L); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,t khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đỗ Văn Đ có bố đẻ là ông Đỗ Văn Kế được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba và có mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Bích được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không bị cáo nào có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS

[8] Xét yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Cao C, Trịnh Văn N và yêu cầu áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của các bị cáo Đỗ Cao B, Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Tiến H, Lưu Đình L, thấy: mức hình phạt đối với hành vi phạm tội của các bị cáo là phạt tù dưới 03 năm hoặc phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ăn năn, hối cải về hành vi của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù giam bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, cho bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo.

[9] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS, xét thấy các bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn phạt tiền cho các bị cáo.

[10] Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi sâm cá cược thắng thua bằng tiền của Đỗ Văn Tuấn A, Lưu Đình L và Đỗ Tiến H. Do không xác định được số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu không có đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Tuấn A, L và H, là căn cứ cần chấp nhận.

Đối với những người có mặt tại nơi bắt giữ gồm Bùi Thị Ph, Lê Hồng Th, Phạm Đức V. Quá trình điều tra xác định những người trên không tham gia đánh bạc tại nhà Đỗ Văn Đ, không sử dụng tiền cho các bị can vay để đánh bạc, không cầm đồ, thế chấp tài sản gì cho các bị can lấy tiền đánh bạc do đó không đề cập đến việc xử lý.

[11] Về vật chứng: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và hết giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy; đối với tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 22.460.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần Tịch thu sung công quỹ nhà nước theo Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Đối với 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài còn lại, Công an huyện Thuận Châu đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy nên không có căn cứ xử lý, cần chấp nhận

Đối với số tiền 7.520.000đ (Bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tạm giữ của Bùi Thị Ph, Lê Hồng Th và Phạm Đức V, qua quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc đánh bạc. Ngày 04/3/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã trao trả lại số tiền trên cho Bùi Thị Ph, Lê Hồng Th và Phạm Đức V là có căn cứ, cần chấp nhận

[12] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Anh M, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Đỗ Cao B, Trịnh Văn N, Lưu Đình L phạm tội *Đánh bạc*.

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội *Gá bạc*.

Căn cứ điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2019).

Căn cứ điểm s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Cao C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2019).

Căn cứ điểm i,s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2019).

Căn cứ điểm s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,3 Điều 35; Điều 58 BLHS 2015

Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Cao B 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Căn cứ điểm i, s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,3 Điều 35 BLHS 2015.

Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Văn Tuấn A 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Căn cứ điểm i, s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,3 Điều 35; Điều 58 BLHS 2015.

Xử phạt tiền bị cáo Tòng Anh M 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Tiến H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Xử phạt tiền bị cáo Lưu Đình L 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Các bị cáo Đỗ Cao B, Đỗ Văn Tuấn A, Tòng Văn Mạnh, Đỗ Tiến H, Lưu Đình L phải nộp tiền phạt 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực

Giao các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Cao C, Trịnh Văn N cho UBND xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 322 BLHS cho các bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 22.460.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đỗ Cao B; Đỗ Văn Tuấn A; Tòng Anh M, Đỗ Văn Đ, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Báo cho các bị cáo Đỗ Cao B; Đỗ Văn Tuấn A; Tòng Anh M, Đỗ Văn Đ, Đỗ Tiến H, Bùi Cao C, Trịnh Văn N, Lưu Đình L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La ;
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã Tông Lạnh; huyện Thuận Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Chiến